TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-09-2024
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trịnh Minh Trung
2/ Bà Nguyễn Thị Sứ
Thư ký ghi biên bản phiên tòa phiên tòa: Ông Trần Minh Luân- Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai-tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M– sinh năm 1985
Địa chỉ: Ấp 2, xã P, thị xã G, tỉnh B
Bị đơn: Ông Lê Văn T– sinh năm 1985
Địa chỉ: Ấp 2, xã P, thị xã G, tỉnh B
(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ của bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Lê Văn T chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong T Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống có 02 người con tên Lê Thị Tú Q sinh ngày 08/12/2009 và Lê Hồng N sinh ngày 20/08/2013, hiện con chưa thành niên đang sống với bà M. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cự cải, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hiện nay bà M không muốn hàn gắn lại hạnh phúc vợ chồng, không còn tình cảm với ông T.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.
- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về quan hệ tài sản và nợ chung: không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với ông Lê Văn T: Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn T nhưng ông không đến tòa để thể hiện ý kiến của mình, không tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt lần thứ hai nên toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về nội dung vụ án là áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 56, 81, 82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Lê Văn T; Giao 02 người con tên Lê Thị Tú Q sinh ngày 08/12/2009 và Lê Hồng N sinh ngày 20/08/2013 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho ông Lê Văn T do bà Nguyễn Thị M không yêu cầu, không đặt ra xem xét về tài sản và nợ do đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Văn T vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông T theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn T chung sống với nhau năm 2009, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong T Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, vì vậy theo quy định của pháp luật thì hôn nhân của bà M và ông T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà bà M và ông T có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường cự cải. Nay bà M yêu cầu xin ly hôn với ông T vì không còn tình cảm. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải dựa trên sự thương yêu, tôn trọng, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẽ công việc trong gia đình nhưng bà M xác định không còn yêu thương ông T, vợ chồng ông bà không ai quan tâm, tới lui chăm sóc ai. Ông T không hợp tác theo giấy triệu tập hoà giải của Toà án, Toà án không tiến hành hoà giải hôn nhân cho vợ chồng ông bà được là do ông T vắng mặt 2 lần, ông T không có thiện chí hàn gắn. HĐXX xét thấy mối quan hệ hôn nhân của bà M và ông T thật sự rạn nứt, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Lê Văn T.

[3] Về quan hệ con chung: Bà M và ông T có 02 người con tên Lê Thị Tú Q sinh ngày 08/12/2009 và Lê Hồng N sinh ngày 20/08/2013, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi thì xem xét về mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Qua xác minh tại địa phương, Lê Thị Tú Q và Lê Hồng N đang sống chung với bà M. Cháu Q và cháu N có thể hiện ý kiến trong hồ sơ là muốn ở với bà M, Ông Lê Văn T không hợp tác theo sự triệu tập của toà, không cho toà án ghi lời khai, không thể hiện yêu cầu, ông Lê Văn T đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến nguyện vọng của mình. Trường hợp sau này một bên không có khả năng nuôi con, mà một bên có khả năng về kinh tế để đảm bảo nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 người con tên Lê Thị Tú Q sinh ngày 08/12/2009 và Lê Hồng N cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho ông T do bà M không yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Lê Văn T.

2/ Về quan hệ con chung: Giao 02 người con tên Lê Thị Tú Q sinh ngày 08/12/2009 và Lê Hồng N cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục; Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Văn T. Ông Lê Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đồng nhưng bà Nguyễn Thị M đã dự nộp 300.000đồng, tại biên lai thu số 0008891 ngày 06/06/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

LÊ YẾN NGỌC

Nơi nhận. :
-Tòa án tỉnh
-VKS cùng cấp
-Thi hành án
-Đương sự
-UBND xã, phường nơi đương sự ĐKKH
-Lưu hồ sơ